TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 01 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Tấn;

2. Ông Bùi Văn Ơn

- Thư ký ghi phiên toà: Bà Hoàng Thị Khánh Linh - Thư ký toà án nhân dân huyện Lạc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn *tham gia phiên toà*: Ông Khuất Duy Xuân Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXX-ST ngày 24 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1997. Địa chỉ: xóm Lâu Ky, xã Tân Lập, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 03/01/2022.

2. Bị đơn: Bùi Văn D, sinh năm 1990. Địa chỉ: xóm Lâu Ky, xã Tân Lập, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Th trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Bùi Văn D kết hôn năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Lập và tổ chức kết hôn theo

phong tục tập quán địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu giữa năm 2021 hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xung đột, hai bên gia đình không có tiếng nói chung khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Hai vợ chồng ly thân từ giữa năm 2021. Cho đến thời điểm này chị Th xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị ly hôn với anh Bùi Văn D.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh D và chị Th có 01 con chung là cháu cháu Bùi Hải Yến, sinh ngày 06/9/2021. Vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và chưa yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về công nợ chung: Không có.

Ngoài ra chị Th không có yêu cầu gì thêm.

Về phía anh Bùi Văn D: Sau khi thụ lý vụ án,Tòa án đã gửi các các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có kết quả, anh D vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi cho Tòa án.

**** Tại biên bản xác minh ngày ngày 23/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn chính quyền địa phương nơi cư trú của chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn D có nội dung:***

Anh Bùi Văn D và chị Bùi Thị Th kết hôn năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Tân Lập, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến giữa năm 2021 hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xung đột, hai bên gia đình không có tiếng nói chung khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Hai vợ chồng ly thân từ giữa năm 2021 cho đến nay, khả năng đoàn tụ là rất khó.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh D và chị Th có 01 con chung là cháu Bùi Hải Yến, sinh ngày 06/9/2021. Kể từ khi ly thân,chị Th là người trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về điều kiện nuôi con của anh D và chị Th:

- Xét về yếu tố nhân phẩm, đạo đức: anh D và chị Th luôn giữ gìn tư cách, phẩm chất đạo đức có lối sống trong sạch, lành mạnh, luôn vui vẻ, cởi mở, hòa đồng.

- Xét đến yếu tố kinh tế để nuôi con: Anh D và chị Th đều có công việc chính là làm ruộng. Do đó, cả anh D và chị Th đều đủ điều kiện kinh tế để nuôi con.

- Về thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng con: Anh D và chị Th hiện đang làm việc tại địa phương, thời gian làm việc không quá gò bó nên có đủ thời gian để dành cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về chỗ ở: anh D và chị Th có chỗ ở ổn định nên đủ điều kiện về chỗ ở để nuôi con.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình công nhận việc chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân**:** xác định mâu thuẫn giữa chị Th và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th.

- Về con chung: Đề nghị giao cháu Bùi Hải Yến cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Th chưa đề nghị anh D cấp dưỡng nuôi con và anh D không có quan điểm gì về vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên đề nghị HĐXX chưa xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con trong vụ án.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về công nợ chung: Không có.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn là anh Bùi Văn D có hộ khẩu thường trú tại xóm Lâu Kỵ, xã Tân Lập, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tống đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và khoản 1, 2 Điều

177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 211 BLTTDS. Tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 BLTTDS để hai bên thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Anh D và chị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Bị đơn là anh Bùi Văn D đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh D và chị Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị Th và anh D không có hạnh phúc do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xung đột, hai bên gia đình không có tiếng nói chung. Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa anh D và chị Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, anh D và chị Th có 01 con chung là cháu Bùi Hải Yến, hiện nay chị Th đang trực tiếp nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị Th đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung và chưa yêu cầu anh D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Theo quy định tại Điều 17 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình. Trên cơ sở nguyên tắc này có thể hiểu người cha và người mẹ bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cái trong thời kỳ tồn tại quan hệ hôn nhân và ngay cả khi quan hệ hôn nhân chấm dứt. Tuy nhiên, anh D không đến Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình. Theo kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú của chị Th và anh D: Chị Th có chỗ ở ổn định, có công việc chính là làm ruộng, ngoài ra chị Th còn làm thuê để kiếm thêm thu nhập, đủ điều kiện nuôi con. Hơn nữa, cháu Bùi Hải Yến dưới 36 tháng tuổi, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con chung cũng như để cho con chung có cuộc sống ổn định, tránh sự xáo trộn cần chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao cháu Bùi Hải Yến cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Do chị Th chưa đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, anh D chưa có ý kiến trình bày về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên HĐXX không xem xét là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và Gia đình. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con sẽ được xử lý bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung: không có nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Th được ly hôn với anh Bùi Văn D.

2. Về con chung, cấp dưỡng: Giao con chung là cháu Bùi Hải Yến, sinh ngày 06/9/2021 cho chị Bùi Thị Th tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh D chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung: không có nên HĐXX không xem xét.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị Th phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0004187 ngày 23/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn. Chị Bùi Thị Th đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thì hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình;*
- *VKSND tỉnh Hòa Bình;*
- *VKSND huyện Lạc Sơn;*
- *CCTHA huyện Lạc Sơn;*
- *UBND xã Tân Lập;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*